

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HC-ST
Ngày 08 tháng 10 năm 2019
V/v: khiếu kiện hành vi hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng và ông Phạm Đức Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 40/2019/TLST-HC ngày 21 tháng 5 năm 2019, về “khiếu kiện hành vi hành chính”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HC ngày 20 tháng 9 năm 2019, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: xóm 6 (nay là thôn L), xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. *Người bị kiện:* Bà Nguyễn Thị Tuyết L - Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Hà Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Th - Phó Chủ tịch UBND huyện L (văn bản ủy quyền lập ngày 22/7/2019).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam: Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn T - Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: ông Đào Quang B - Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền số 01/GUQ ngày 11/7/2019);

Phiên tòa có mặt bà T; ông Th, ông B có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, văn bản ý kiến, tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày nội dung như sau:

Gia đình bà Trần Thị T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 28, thửa 94 là diện tích đất đấu thầu đầm mà xã P chưa thanh lý hợp đồng với bà để thả cá. Năm 2003 Ủy ban nhân dân (UBND) xã P giao diện tích đầm của gia đình bà thầu cho gia đình ông Trần Văn V ở xóm 12, Phú Cốc. Do có sự việc ngày 08/02/2017 ông Trần Văn V chở 20 xe cát đổ lấp ao và chôn cột bê tông dây thép gai rào chắn ngõ và xung quanh nhà nên bà Trần Thị T có các đơn trình báo gửi UBND xã P và UBND huyện L để phản ánh sự việc. UBND huyện L đã tổ chức họp tiếp bà Trần Thị T vào ngày 10/5/2017 và ngày 13/4/2017 ban hành văn bản số 319/UBND-BTD nội dung UBND huyện giao Phòng tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với Phòng nội vụ và Phòng tư pháp huyện kiểm tra, thiết lập biên bản giao trách nhiệm cho chủ tịch UBND xã P xem xét, giải quyết dứt điểm việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với vi phạm của hộ ông Trần Văn V, báo cáo về UBND huyện L trước ngày 30/4/2017.

Sau khi nhận được văn bản 391 nêu trên, bà Trần Thị T đã có đơn khiếu nại đề ngày 14/11/2017 gửi Chủ tịch UBND huyện L khiếu nại về việc tính đến ngày bà làm đơn đã hơn 06 tháng mà bà không nhận được văn bản trả lời nào, mọi việc vẫn y nguyên chưa được giải quyết nên bà cho rằng Phòng tài nguyên và môi trường, Phòng tư pháp và Phòng tài vụ huyện có dấu hiệu bao che cho Chủ tịch UBND xã P; đến ngày 23/11/2017 bà lại có đơn khiếu nại với nội dung như đơn khiếu nại đề ngày 14/11/2017 nêu trên gửi Chủ tịch UBND huyện L; do đã hết thời gian trả lời khiếu nại nhưng chưa được giải quyết nên bà làm đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 08/7/2019 (trong đơn này có thêm ông Trần Gia L là chồng bà đứng đơn đồng khởi kiện) và đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 08/7/2019 ông Trần Gia L không đứng đơn đồng khởi kiện (theo lý giải tại đơn đề ngày 20/7/2019 vì ốm yếu nên ông L không cùng đứng đơn khởi kiện với bà T nữa và tại biên bản làm việc giữa Tòa án và bà Trần Thị T ngày 19/7/2019 bà T cũng xác định chỉ mình bà đứng đơn khởi kiện); bà Trần Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu Chủ tịch UBND huyện L phải trả lời, giải quyết đơn khiếu nại của bà theo quy định của pháp luật.

Ngoài đơn khởi kiện, mặc dù Tòa án tiến hành buổi làm việc ngày 19/7/2019 nhưng bà T không trình bày cũng như gửi thêm văn bản trình bày ý kiến nào khác.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện L (Người đại diện theo pháp luật và theo ủy quyền điều vắng mặt tại phiên tòa), tại văn bản ý kiến số 767/UBND-BTD ngày 14/8/2019 trình bày lý do không giải quyết 02 đơn khiếu nại trên của bà Trần Thị T: UBND huyện khẳng định trong tháng 11/2017 có nhận được đơn khiếu nại đề ngày 14/11/2017 và đơn khiếu nại đề ngày 23/11/2017 có cùng nội dung đã trình bày ở trên; qua nghiên cứu đơn khiếu nại, UBND huyện thấy 02 đơn khiếu nại của bà T đều không thể hiện rõ cơ quan hay người bị khiếu nại là ai, việc bà nêu trong đơn đề cập đến Phòng tài vụ thì UBND huyện không có

Phòng này; đối chiếu tiết 2, điểm a khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh, thì điều kiện để giải quyết khiếu nại khi “đơn khiếu nại phải ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại”, đối chiếu các đơn khiếu nại của bà đều không đáp ứng quy định trên; vì vậy UBND huyện L đã căn cứ quy định tại tiết 1, điểm b, khoản 2 Điều 6 của Thông tư 07 trên xếp lưu đơn khiếu nại của bà T; mặt khác nội dung tại các đơn khiếu nại của bà T đều đã phản ánh tại buổi tiếp công dân của UBND huyện với bà ngày 10/4/2017, đơn trình báo đề ngày 23/02/2017 đã được UBND huyện L tiếp nhận và chỉ đạo giải quyết tại văn bản số 219/UBND-BTD ngày 08/3/2017, bà T tiếp tục trình báo nội dung trên nên Ban tiếp dân UBND huyện đã ban hành văn bản số 10/BTD ngày 23/3/2017 đôn đốc thực hiện chỉ đạo của UBND huyện tại văn bản 219 trên.

Ngoài ra, ngày 27/3/2017 UBND xã P đã có Báo cáo số 12/BC-UBND nội dung khẳng định đã thực hiện các thủ tục xử lý vi phạm hành chính của ông V, cụ thể là đã đình chỉ việc đôn san và giao trách nhiệm cho hộ ông V tự di chuyển, đôn san trả lại mặt bằng trước đó. Kết quả giải quyết nội dung phản ánh của bà T đã được UBND huyện thông báo cho bà T biết tại văn bản số 457/UBND-BTD ngày 16/5/2017 (sau khi nhận văn bản đến ngày 23/11/2017 bà T không có ý kiến gì).

Về thời hiệu giải quyết khiếu nại liên quan đến khởi kiện của bà T, theo điểm b khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì thời hạn là 01 năm. Như vậy khởi kiện của bà T đã hết thời hiệu theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Từ những phân tích trên, UBND huyện L đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã P (vắng mặt tại phiên tòa), tại văn bản ý kiến kèm các tài liệu xác định: Ngày 28/3/2019 và ngày 08/4/2019 UBND xã tiếp tục nhận được đơn đề nghị của bà T nội dung đề nghị UBND xã giải quyết việc ông Trần Văn V đưa máy xuống hút bùn gần nhà, đào phá, phá hoại cây cối của gia đình bà. Ngày 03/4/2019 UBND xã đã làm việc với gia đình bà T giải quyết nội dung đơn đề nghị, mặc dù UBND xã đã yêu cầu bà cung cấp tài liệu liên quan nhưng bà T không cung cấp được. Ngày 28/3/2019 của UBND xã thành lập tổ công tác xuống thực địa kiểm tra và một số hoạt động khác để giải quyết đơn của bà T, đến ngày 04/6/2019 UBND xã ban hành Thông báo số 09/TB-UBND về việc giải quyết đơn của bà T. Theo các tài liệu hồ sơ đối với thời điểm bà T làm các đơn khiếu nại xác định vào ngày 14/11/2017 và ngày 23/11/2017, UBND xã P đã có quá trình giải quyết như tiến hành lập biên bản làm việc, biên bản kiểm tra hiện trường, thành lập Hội đồng tư vấn của xã để hòa giải tranh chấp, nhiều lần hòa giải giữa các bên tranh chấp, Thông báo về việc vi phạm của hộ ông Trần Văn V.

Từ nội dung trên UBND xã P đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại, nhưng do người bị kiện có đơn đề nghị không tiến hành đối thoại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành đối thoại được. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên khởi kiện, đề nghị hoãn phiên tòa để tiến hành đối thoại; Người bị kiện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không đối thoại tại phiên tòa và thể hiện đầy đủ ý kiến các bên về việc thống nhất giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên tòa xác định: quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tổ tụng hành chính. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính: bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Án phí hành chính sơ thẩm do tuổi cao nên bà T không phải chịu.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của người được ủy quyền của người bị kiện, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tổ tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc buộc Chủ tịch UBND huyện L phải trả lời giải quyết khiếu nại của bà theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, quy định tại Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Do việc giải quyết đơn trình báo, đơn khiếu nại về cùng sự việc của bà T rất phức tạp mà được chưa giải quyết dứt điểm, kéo dài từ năm 2017 đến nay, vì vậy xác định Đơn khởi kiện của bà Trần Thị T vẫn còn thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

Đối với việc Người bị kiện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nguồn gốc và nội dung khởi kiện: xuất phát từ việc bà Trần Thị T cho rằng ngày 08/02/2017 ông Trần Văn V chở cát đổ lấp ao và chôn cột bê tông

dây thép gai rào chắn ngõ và xung quanh nhà nên bà Trần Thị T có các đơn trình báo gửi UBND xã P và UBND huyện L để phản ánh sự việc. Ngày 13/4/2017 ban hành văn bản số 319/UBND-BTD giao trách nhiệm phối hợp giải quyết sự việc cho các Phòng Ban chuyên môn của UBND huyện và UBND xã P. Sau khi nhận được văn bản trên, bà Trần Thị T đã có đơn khiếu nại đề ngày 14/11/2017 và ngày 23/11/2017 bà lại có đơn khiếu nại với nội dung như đơn khiếu nại đề ngày 14/11/2017 nêu trên. Do UBND huyện L không giải quyết khiếu nại nên bà Trần Thị T đã làm đơn khởi kiện hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện L, đề nghị Tòa án buộc Chủ tịch UBND huyện L phải trả lời khiếu nại cho bà theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của người khởi kiện, thấy: (1) về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đảm bảo đúng quy định tại các Điều 8, 18 Luật khiếu nại năm 2011. Khi sự việc liên quan đến nội dung trình báo của bà Trần Thị T về việc hộ ông Trần Văn V đổ đất cát lên đất nhà bà T, UBND xã P đã có quá trình giải quyết như đã nêu trên; đối với các đơn khiếu nại đề ngày 14/11/2017 và đơn đề ngày 23/11/2017 của bà T, UBND huyện L cho rằng các đơn khiếu nại của bà T đều không thể hiện người bị khiếu nại, nội dung nêu trong đơn khi đối chiếu tiết 2, điểm a khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh đều không đảm bảo quy định; vì vậy UBND huyện L xếp lưu đơn khiếu nại của bà T. Ngày 27/3/2017 UBND xã P cũng có Báo cáo số 12/BC-UBND nội dung khẳng định đã thực hiện các thủ tục xử lý vi phạm hành chính của ông V. Kết quả giải quyết nội dung phản ánh của bà T đã được UBND huyện thông báo cho bà biết tại văn bản số 457/UBND-BTD ngày 16/5/2017; sau khi nhận văn bản bà T không có ý kiến gì.

Từ căn cứ trên thấy, việc UBND huyện L không giải quyết khiếu nại, xếp lưu đơn khiếu nại của bà Trần Thị T là có cơ sở, đúng pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Do bà Trần Thị T trên 60 tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí sơ thẩm; căn cứ quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng Điều 29; Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; và điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 204; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính. Các Điều 8, 18 Luật khiếu nại năm 2011, Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại,

đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T buộc Chủ tịch UBND huyện L phải trả lời, giải quyết khiếu nại của bà theo quy định của pháp luật.

[2] Án phí hành chính sơ thẩm bà Trần Thị T không phải nộp.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ; HCTP.

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng